

PHỤC LỤC IV:
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN KRÔNG BÚK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính						
				Thị trấn Pong Drang	Xã Cư Né	Xã Chư Kbô	Xã Cư Pong	Xã Ea Sin	Xã Tân Lập	Xã Ea Ngai
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	135,33	9,03	55,00	22,84	23,16	22,65	0,37	2,27
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,95					0,95		
	<i>Tr. đó: đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>								
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	2,70	0,15	2,00			0,39	0,16	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	127,70	8,88	50,30	21,56	23,16	21,31	0,21	2,27
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	3,98		2,70	1,28				
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>								
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp									
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	MHT/CNT								
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp		1,04	0,06		0,98				
4.1	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	1,04	0,06		0,98				